

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2025**  
**của Bệnh viện Y học cổ truyền**

**GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN**

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 và Quyết định số 1602/QĐ-TTg ngày 10/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao chi tiết dự toán ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 1660/QĐ-UBND ngày 20 tháng 7 năm 2015 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bệnh viện Y học cổ truyền;

Căn cứ Nghị quyết số 94/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 của Hội đồng nhân dân thành phố về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 4668/QĐ-UBND ngày 09/12/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2025 cho các cấp, các ngành, các đơn vị;

Căn cứ Quyết định số 2066/QĐ-SYT ngày 24/12/2024 của Sở Y tế về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2025 cho các đơn vị ngành y tế;

Theo đề nghị của Trưởng phòng tài chính kế toán.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu dự toán thu, chi ngân sách năm 2025 của Bệnh viện Y học cổ truyền (theo biểu đính kèm).

Hình thức công khai: trên Cổng thông tin điện tử của Bệnh viện Y học cổ truyền.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Các ông (bà): Phòng Tài chính kế toán, Trưởng các phòng khoa/phòng của Bệnh viện Y học cổ truyền và cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận;

- Như Điều 3;
- Cổng TTĐT; TCKT, VT.



**GIÁM ĐỐC**

**GIÁM ĐỐC**

**BSCKII - TS: Hồng Hữu Cường**



Đơn vị: Bệnh viện Y học cổ truyền  
Mã quan hệ ngân sách: 1021447  
Chương: 423

**DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số 07/QĐ-YHCT ngày 14/01/2025 của Bệnh viện Y học cổ truyền)  
Đơn vị tính: triệu đồng

| STT      | Nội dung                                                                                                                                | Dự toán được giao |
|----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|
| <b>A</b> | <b>Dự toán thu</b>                                                                                                                      | <b>49.810</b>     |
| <b>1</b> | <b>Ngân sách Nhà nước</b>                                                                                                               | <b>23.337</b>     |
|          | <i>Kinh phí thường xuyên</i>                                                                                                            | <i>23.337</i>     |
| 1.1      | Kinh phí giao tự chủ (Kinh phí chi quản lý hành chính + Kinh phí tăng lương theo Nghị định Chính phủ số 24/2023/NĐ-CP và 73/2024/NĐ-CP) | 21.592            |
| 1.2      | Kinh phí không giao tự chủ (Kinh phí quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP)                                                   | 1.745             |
| <b>2</b> | <b>Thu dịch vụ y tế</b>                                                                                                                 | <b>26.473</b>     |
| 2.1      | Số thu dịch vụ khám chữa bệnh                                                                                                           | 25.573            |
| 2.2      | Số thu dịch vụ yêu cầu                                                                                                                  | 800               |
| 2.3      | Số thu hoạt động khác                                                                                                                   | 100               |
| <b>B</b> | <b>Dự toán chi</b>                                                                                                                      | <b>49.810</b>     |
| <b>1</b> | <b>Ngân sách Nhà nước</b>                                                                                                               | <b>23.337</b>     |
|          | <i>Kinh phí thường xuyên</i>                                                                                                            | <i>23.337</i>     |
| 1.1      | Kinh phí giao tự chủ (Kinh phí chi quản lý hành chính + Kinh phí tăng lương theo Nghị định Chính phủ số 24/2023/NĐ-CP và 73/2024/NĐ-CP) | 21.592            |
| 1.2      | Kinh phí không giao tự chủ (Kinh phí quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP)                                                   | 1.745             |
| <b>2</b> | <b>Thu dịch vụ y tế</b>                                                                                                                 | <b>26.473</b>     |
| 2.1      | Chi nguồn thu dịch vụ khám chữa bệnh                                                                                                    | 25.573            |
| 2.2      | Chi nguồn thu dịch vụ yêu cầu                                                                                                           | 800               |
| 2.3      | Chi nguồn thu hoạt động khác                                                                                                            | 100               |